

NGOẠI NGỮ VỚI BẢN NGỮ

HIỆU QUẢ CỦA VIỆC TÍCH HỢP TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG GIẢNG DẠY TỪ VỰNG TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH LUẬT: NGHIÊN CỨU TRƯỜNG HỢP TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

LÊ THỊ MINH THẢO*

TÓM TẮT: Bài viết này khảo sát hiệu quả của việc tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) trong giảng dạy từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Luật có tại Trường Đại học Mở Hà Nội. Bài viết phân tích dựa trên phản hồi của 245 sinh viên năm thứ ba Khoa Luật, Trường Đại học Mở Hà Nội năm học 2024-2025 về việc sử dụng công cụ AI trong việc giảng dạy từ vựng chuyên ngành Luật. Công cụ AI được tích hợp bao gồm ChatGPT và Microsoft Copilot, được sử dụng để hỗ trợ giải thích thuật ngữ pháp lý, cung cấp ví dụ ngữ cảnh, gợi ý kết hợp từ (collocations) và so sánh sự khác biệt về ngữ nghĩa giữa các thuật ngữ. Kết quả nghiên cứu cho thấy việc ứng dụng AI trong giảng dạy của giảng viên đã hỗ trợ việc học từ vựng và có mức độ tích cực trong việc tham gia học tập của sinh viên. Phân tích so sánh cho thấy sinh viên sử dụng AI theo hướng dẫn tích hợp của giảng viên một cách thường xuyên có mức tự tin bộ trong việc nắm bắt từ vựng tiếng Anh chuyên ngành cao hơn ($M = 4,23$) so với nhóm sử dụng ít ($M = 3,75$). Nghiên cứu đã cho thấy hiệu quả của việc tích hợp AI trong giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành Luật, đồng thời đưa ra một số đề xuất và triển khai sử dụng công nghệ AI tại Khoa Luật, Trường Đại học Mở Hà Nội.

TỪ KHÓA: Tiếng Anh chuyên ngành Luật; từ vựng; thuật ngữ; trí tuệ nhân tạo; dạy học theo nhiệm vụ.

NHẬN BÀI: 10/01/2026.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 13/06/2026

1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, sự phát triển nhanh chóng của trí tuệ nhân tạo (AI) dựa trên mô hình ngôn ngữ lớn (Large Language Models - LLMs) như ChatGPT (OpenAI), Microsoft Copilot (Bing AI) và các nền tảng hỗ trợ học ngôn ngữ tích hợp AI đã tạo ra những cơ hội và thách thức mới trong giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành ở bậc đại học (Holmes và cộng sự, 2019). Đặc biệt đối với giảng dạy từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Luật (Legal English vocabulary), các công cụ này hỗ trợ sinh viên tiếp cận nhanh chóng với các định nghĩa, thuật ngữ pháp lý, ví dụ sử dụng trong ngữ cảnh chuyên môn, gợi ý kết hợp từ (legal collocations), cũng như so sánh sự khác biệt giữa các thuật ngữ gần nghĩa một cách hiệu quả.

Việc tích hợp AI vào giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành không chỉ là xu hướng tất yếu của chuyển đổi số trong giáo dục mà còn là yêu cầu thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng đào tạo trong bối cảnh xã hội 4.0 (Thao và cộng sự 2025). Đối với sinh viên ngành Luật, việc nắm vững từ vựng tiếng Anh chuyên ngành không chỉ giúp các em tiếp cận tài liệu pháp luật quốc tế mà còn hỗ trợ sinh viên tham gia vào môi trường pháp lý toàn cầu.

Tại Khoa Luật, Trường Đại học Mở Hà Nội, trong năm học 2024-2025, nhóm giảng viên tham gia nghiên cứu đã thí điểm tích hợp ChatGPT và Microsoft Copilot như các công cụ hỗ trợ học tập trong

*TS; Trường Đại học Mở Hà Nội; Email: thaoltm@hou.edu.vn

học phần tiếng Anh pháp lý, với mục tiêu nâng cao hiệu quả giảng dạy và học tập từ vựng chuyên ngành Luật. Các công cụ AI này đóng vai trò là công cụ hỗ trợ nhận thức (cognitive tool), giúp giảng viên hướng dẫn sinh viên luyện tập từ vựng, kiểm tra cách dùng thuật ngữ trong ngữ cảnh và chuẩn bị cho các nhiệm vụ học tập trên lớp một cách chủ động và linh hoạt hơn.

Việc nghiên cứu cụ thể về hiệu quả và mức độ chấp nhận của sinh viên đối với các công cụ AI này là cần thiết vì nhiều lý do như: *Thứ nhất*, mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về ứng dụng AI trong giảng dạy ngoại ngữ (Sari & Han, 2024), nhưng các nghiên cứu tập trung vào tiếng Anh chuyên ngành Luật và bối cảnh giáo dục đại học Việt Nam vẫn còn hạn chế; *Thứ hai*, việc đánh giá cảm nhận của sinh viên về tính hữu ích và khả năng sử dụng công cụ AI sẽ làm cơ sở thực tiễn cho việc thiết kế và triển khai sử dụng công nghệ trong giảng dạy một cách hiệu quả; *Thứ ba*, nghiên cứu này góp phần làm rõ mối quan hệ giữa mức độ tích hợp sử dụng AI trong giảng dạy và kết quả học tập của sinh viên, từ đó đưa ra một số khuyến nghị mang tính ứng dụng.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục (Artificial Intelligence in Education - AIED)

Trí tuệ nhân tạo trong giáo dục (AIED) được định nghĩa là "*các hệ thống máy tính có khả năng thực hiện các quy trình giống con người như học tập, thích ứng, tổng hợp, tự điều chỉnh và sử dụng dữ liệu cho các nhiệm vụ xử lý phức tạp*" (Popenici & Kerr, 2017, tr.2, trích trong Crompton & Burke, 2023). Holmes và cộng sự (2019) nhấn mạnh rằng AIED không chỉ là việc sử dụng công nghệ AI trong lớp học, mà còn bao gồm việc thiết kế và triển khai các hệ thống thông minh hỗ trợ giảng dạy, môi trường học tập tương tác, và các công cụ đánh giá tự động nhằm cá nhân hóa trải nghiệm học tập.

Học ngôn ngữ có sự hỗ trợ của AI (AIALL - Artificial Intelligence-Assisted Language Learning) được định nghĩa là việc tích hợp các công cụ và kỹ thuật trí tuệ nhân tạo để tăng cường kết quả học ngôn ngữ (Bin-Hady và cộng sự, 2023). Theo Weng và Chiu (2023), học ngôn ngữ có sự hỗ trợ của AI bao gồm các hệ thống học tập thích ứng có khả năng cá nhân hóa, hướng dẫn dựa trên nhu cầu, sở thích và hiệu suất của từng người học. Điều này phù hợp với lý thuyết học tập kiến tạo (constructivist theory), nhấn mạnh vai trò chủ động của người học trong việc xây dựng kiến thức thông qua tương tác có ý nghĩa với môi trường học tập.

2.2. AI dựa trên mô hình ngôn ngữ lớn trong dạy học từ vựng chuyên ngành

Các công cụ AI như ChatGPT và Microsoft Copilot được xây dựng trên mô hình ngôn ngữ lớn (Large Language Models - LLMs), có khả năng tạo ra văn bản tự nhiên, giải thích khái niệm và mô phỏng ngữ cảnh sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt (Bender và cộng sự, 2021). Cụ thể trong giảng dạy từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Luật, các công cụ này có thể hỗ trợ sinh viên theo nhiều cách:

Thứ nhất, giải thích thuật ngữ pháp luật bằng tiếng Anh đơn giản và dễ hiểu, giúp sinh viên tiếp cận được nghĩa của các khái niệm phức tạp mà không cần phụ thuộc hoàn toàn vào từ điển chuyên ngành hoặc giảng viên;

Thứ hai, cung cấp ví dụ về việc sử dụng thuật ngữ trong các ngữ cảnh pháp lý cụ thể như hợp đồng thương mại, tranh chấp dân sự, tố tụng hình sự, giúp sinh viên hiểu được cách thuật ngữ được vận dụng trong thực tế chuyên môn;

Thứ ba, gợi ý kết hợp từ (collocations) phổ biến và quan trọng trong tiếng Anh chuyên ngành, ví dụ: breach of contract, legal liability, binding agreement, enforceable rights. Việc nắm vững kết hợp từ giúp sinh viên sử dụng ngôn ngữ tự nhiên và chính xác hơn;

Thứ tư, so sánh và phân biệt sự khác nhau giữa các thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành dễ gây nhầm lẫn, giúp sinh viên phát triển khả năng phân biệt các sắc thái nghĩa tinh tế trong ngôn ngữ pháp lý.

Tuy nhiên, việc sử dụng AI trong giảng dạy cũng đặt ra những vấn đề cần lưu ý.

Theo Holmes và cộng sự (2019), AI trong giảng dạy chỉ phát huy hiệu quả khi được tích hợp vào thiết kế trong bài giảng một cách rõ ràng với sự giám sát và hướng dẫn của giảng viên, thay vì để sinh viên sử dụng tự phát không có kiểm soát. Điều này rất quan trọng trong đào tạo ngành Luật với đặc điểm là yêu cầu chính xác cao trong việc sử dụng thuật ngữ vì hiểu sai hoặc dùng sai thuật ngữ có thể dẫn đến hậu quả nghiêm trọng.

Ngoài ra, Bender và cộng sự (2021) cảnh báo về các rủi ro tiềm ẩn của các mô hình ngôn ngữ lớn như khả năng tạo ra thông tin không chính xác (hallucination), thiên kiến, và hạn chế trong khả năng giải thích một cách chặt chẽ và logic. Do đó, việc hướng dẫn sinh viên sử dụng AI một cách có trách nhiệm, có khả năng phân tích phê phán và đối chiếu với nguồn tài liệu uy tín là điều cần thiết.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Thiết kế nghiên cứu

Bài viết này sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng, dữ liệu được thu thập thông qua bảng hỏi nhằm đánh giá cảm nhận của sinh viên về vai trò, tính hữu ích, tính dễ sử dụng của các công cụ AI theo gợi ý và hướng dẫn của giảng viên trong việc học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Luật, cũng như mối quan hệ giữa mức độ tích hợp sử dụng AI trong giảng dạy của giảng viên với sự tiến bộ của người học.

3.2. Bối cảnh và công cụ nghiên cứu

Nghiên cứu được triển khai trong học phần tiếng Anh pháp lý tại Khoa Luật, Trường Đại học Mở Hà Nội, trong học kỳ I năm học 2024-2025. Học phần này được thiết kế dành cho sinh viên năm thứ ba đã có nền tảng tiếng Anh cơ bản và bắt đầu tiếp cận với tiếng Anh chuyên ngành Luật. Nội dung học phần tập trung vào việc phát triển vốn từ vựng tiếng Anh chuyên ngành, kỹ năng đọc hiểu văn bản pháp luật, và giao tiếp trong các tình huống chuyên môn.

Trong quá trình giảng dạy, giảng viên đã tích hợp hai công cụ AI chính bao gồm:

ChatGPT (OpenAI): Được sử dụng để giải thích thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành bằng tiếng Anh, cung cấp ví dụ về câu có sử dụng thuật ngữ trong ngữ cảnh pháp lý cụ thể (hợp đồng, tố tụng, tranh chấp), và hỗ trợ sinh viên tự kiểm tra cách dùng từ trong bài tập chuẩn bị ở nhà. Sinh viên được hướng dẫn cách đặt câu hỏi (prompt) hiệu quả như: "Explain the legal term breach of contract in simple English" hoặc "Give me three example sentences using plaintiff in a court context".

Microsoft Copilot (Bing AI): Được giảng viên hướng dẫn sinh viên sử dụng để hỗ trợ tra cứu nhanh các khái niệm pháp lý, so sánh thuật ngữ chuyên ngành và kiểm tra sự khác biệt về nghĩa giữa các thuật ngữ dễ nhầm lẫn (ví dụ: tort với crime, statute với regulation), cũng như hỗ trợ sinh viên đọc hiểu các văn bản pháp lý ngắn bằng cách tóm tắt hoặc giải thích các đoạn văn phức tạp.

Giảng viên hướng dẫn chi tiết về cách sử dụng AI một cách có trách nhiệm và hiệu quả, bao gồm: (1) cách xây dựng câu hỏi (prompt) phù hợp, (2) cách đánh giá tính chính xác của thông tin AI cung cấp bằng cách đối chiếu với tài liệu chính thức, (3) cách ghi chép và tổng hợp thông tin từ AI để phục vụ học tập, và (4) nhận thức về giới hạn của AI (có thể sinh ra thông tin không chính xác, không thay thế được giảng viên và tài liệu chuyên môn).

3.3. Đối tượng nghiên cứu

Mẫu khảo sát gồm 245 sinh viên năm thứ ba Khoa Luật, Trường Đại học Mở Hà Nội, đã tham gia học phần tiếng Anh pháp lý và được giảng viên hướng dẫn sử dụng ChatGPT và/ hoặc Microsoft Copilot trong quá trình học từ vựng chuyên ngành. Sinh viên tham gia khảo sát đều tự nguyện và được thông báo rõ ràng về mục đích, quy trình khảo sát.

Tiêu chí lựa chọn mẫu bao gồm: sinh viên đang theo học học phần tiếng Anh pháp lý trong học kỳ I năm học 2024-2025, sinh viên đã được hướng dẫn và sử dụng ít nhất một trong hai công cụ AI (ChatGPT hoặc Microsoft Copilot) trong quá trình học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành, (3) sẵn sàng tham gia khảo sát và chia sẻ trải nghiệm học tập của mình.

3.4. Công cụ thu thập dữ liệu

Bảng hỏi được thiết kế dựa trên mô hình chấp nhận công nghệ (TAM) của Davis (1989) và các nghiên cứu trước đây về sử dụng AI trong giáo dục (Labadze và cộng sự 2023; Sari & Han, 2024). Bảng hỏi gồm các phần chính:

Phần 1: Thông tin cá nhân và bối cảnh học tập, bao gồm giới tính, trình độ tiếng Anh tự đánh giá (A1, A2, B1, B2, C1), mức độ tiếp cận và sử dụng AI trong học tập (ít khi, thỉnh thoảng, thường xuyên).

Phần 2: Đánh giá vai trò của AI trong học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành, bao gồm 5 câu hỏi đánh giá về mức độ đồng ý với các ý kiến liên quan đến vai trò hỗ trợ của AI (giải thích thuật ngữ, cung cấp ví dụ, gợi ý kết hợp từ, so sánh thuật ngữ, nâng cao hứng thú học tập).

Phần 3: Đánh giá tính dễ sử dụng của AI, bao gồm 4 câu hỏi về giao diện, tốc độ phản hồi, khả năng truy cập và mức độ phức tạp về kỹ thuật.

Phần 4: Mức độ tham gia học tập từ khi giảng viên tích hợp ứng dụng AI trong giảng dạy và việc tự đánh giá về sự tiến bộ trong học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành của sinh viên, bao gồm 5 câu hỏi về tần suất sử dụng AI, mức độ chủ động trong học tập, sự tự tin khi sử dụng thuật ngữ, cảm nhận về sự tiến bộ của bản thân và khả năng áp dụng từ vựng vào bài tập.

Tất cả các câu hỏi sử dụng thang đo Likert 5 mức (1 - Hoàn toàn không đồng ý; 2 - Không đồng ý; 3 - Trung lập; 4 - Đồng ý; 5 - Hoàn toàn đồng ý) để đo lường mức độ đồng ý của sinh viên với các phát biểu. Bảng hỏi được thử nghiệm trước (pilot test) với 30 sinh viên để kiểm tra tính rõ ràng của câu hỏi và điều chỉnh ngôn ngữ cho phù hợp. Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha của các thang đo trong bảng hỏi chính thức đều đạt trên 0,70, đảm bảo độ tin cậy của công cụ đo lường.

3.5. Quy trình thu thập và xử lý dữ liệu

Dữ liệu được thu thập vào cuối học kỳ, sau khi sinh viên đã được hướng dẫn, có thời gian sử dụng và làm quen với các công cụ AI trong suốt quá trình học theo bài giảng tích hợp AI của giảng viên. Bảng hỏi được phát hành dưới dạng Google Forms và sinh viên hoàn thành trực tuyến. Thời gian trả lời trung bình là 10-15 phút. Tất cả dữ liệu được ẩn danh và chỉ được sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

Dữ liệu sau khi thu thập được làm sạch (loại bỏ các phản hồi không đầy đủ hoặc có dấu hiệu trả lời ngẫu nhiên) và xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel. Các phương pháp thống kê mô tả được sử dụng bao gồm: tính tần suất, tỉ lệ phần trăm, giá trị trung bình (Mean - M), độ lệch chuẩn (Standard deviation - SD). Phân tích so sánh về mức độ sử dụng AI theo hướng dẫn của giảng viên giữa các nhóm sinh viên (ít, trung bình, thường xuyên) được thực hiện để xác định mối quan hệ giữa mức độ sử dụng và kết quả học tập tự đánh giá.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Đặc điểm của mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu thu được 245 phản hồi hợp lệ từ sinh viên năm thứ ba Khoa Luật, Trường Đại học Mở Hà Nội, Bảng 1 trình bày đặc điểm cơ bản của đối tượng tham gia khảo sát.

Bảng 1. Đặc điểm mẫu nghiên cứu (với số lượng mẫu $n = 245$)

Đặc điểm	Phân loại	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Giới tính	Nam	92	37,6
	Nữ	153	62,4
Trình độ tiếng Anh tự đánh giá	A1	18	7,3
	A2	97	39,6
	B1	108	44,1
	B2	20	8,2

	C1	2	0,8
Mức độ sử dụng AI theo hướng dẫn tích hợp của giảng viên	Ít khi	52	21,2
	Thỉnh thoảng	118	48,2
	Thường xuyên	75	30,6

Kết quả cho thấy đối tượng tham gia khảo sát có sự đa dạng về giới tính với tỉ lệ nữ cao hơn nam (62,4% so với 37,6%), phản ánh đúng về cơ cấu sinh viên ngành Luật tại Trường Đại học Mở Hà Nội. Về trình độ tiếng Anh, phần lớn sinh viên tự đánh giá ở mức A2 (39,6%) và B1 (44,1%), tương ứng với mức độ tiếng Anh cơ bản đến trung bình. Về mức độ sử dụng AI theo hướng dẫn tích hợp của giảng viên, gần một nửa sinh viên (48,2%) sử dụng ở mức độ thỉnh thoảng sử dụng, 30,6% sử dụng ở mức độ thường xuyên và 21,2% ít sử dụng. Kết quả đó cho thấy, đa số sinh viên đã có tiếp cận với công cụ AI theo hướng dẫn tích hợp của giảng viên ở mức độ từ trung bình đến thường xuyên.

4.2. Đánh giá của sinh viên về vai trò của việc tích hợp AI trong bài giảng của giảng viên để hỗ trợ việc học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Luật

Sinh viên được khảo sát đưa ra đánh giá dựa trên bảng hỏi về vai trò của việc tích hợp AI trong bài giảng của giảng viên để hỗ trợ việc học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Luật và kết quả được trình bày trong Bảng 2.

Bảng 2. Vai trò của việc tích hợp AI trong bài giảng của giảng viên để hỗ trợ việc học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Luật

Nội dung	Giá trị trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
AI giúp hiểu rõ hơn các thuật ngữ pháp lý	4,15	0,66
AI cung cấp ví dụ về cách dùng thuật ngữ trong ngữ cảnh	4,18	0,63
AI giúp phân biệt các thuật ngữ dễ nhầm lẫn	4,08	0,71
AI gợi ý các kết hợp từ (collocations) phù hợp	4,02	0,75
AI làm tăng hứng thú học từ vựng	4,16	0,68
Trung bình chung	4,12	0,68

M = Mean (Giá trị trung bình); SD = Standard Deviation (Độ lệch chuẩn)

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên đánh giá tích cực về vai trò của việc tích hợp AI trong bài giảng của giảng viên để hỗ trợ việc học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Luật, với giá trị trung bình dao động từ 4,02 đến 4,18 (trên thang điểm 5). Điểm số trung bình cao nhất thuộc về khả năng cung cấp ví dụ sử dụng thuật ngữ trong ngữ cảnh (M = 4,18; SD = 0,63), cho thấy sinh viên đánh giá cao tính hữu ích của AI trong việc minh họa cách sử dụng thuật ngữ thực tế. Khả năng giải thích thuật ngữ (M = 4,15; SD = 0,66) và nâng cao hứng thú học tập (M = 4,16; SD = 0,68) cũng được đánh giá rất cao.

Độ lệch chuẩn (SD) tương đối thấp (từ 0,63 đến 0,75) phản ánh mức độ đồng thuận khá cao giữa các sinh viên trong việc nhận định vai trò tích cực của AI đối với việc học từ vựng chuyên ngành Luật. Điều này cho thấy đa số sinh viên đều có trải nghiệm tích cực với việc sử dụng AI trong học từ vựng, không phân biệt nhiều về trình độ tiếng Anh hay kinh nghiệm sử dụng công nghệ.

4.3. Đánh giá mức độ dễ sử dụng của AI

Tính dễ sử dụng là một yếu tố quan trọng quyết định mức độ chấp nhận sử dụng tích hợp công nghệ của sinh viên. Bảng 3 cho thấy kết quả đánh giá của sinh viên về tính dễ sử dụng của các công cụ AI trong bài giảng tích hợp của giảng viên.

Bảng 3. Mức độ dễ sử dụng của AI

Nội dung	Giá trị trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
Giao diện AI dễ sử dụng và thân thiện	4,12	0,69
AI phản hồi nhanh chóng và chính xác	4,03	0,72
Có thể truy cập AI dễ dàng trên điện thoại hoặc máy tính	4,21	0,65
Không gặp khó khăn kỹ thuật khi sử dụng AI	3,84	0,78
Trung bình chung	4,05	0,71

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả (2024-2025)

Nhìn chung, kết quả cho thấy sinh viên đánh giá cao tính dễ sử dụng của các công cụ AI trong bài giảng tích hợp của giảng viên ($M = 4,05$; $SD = 0,71$). Khả năng truy cập dễ dàng trên các thiết bị cá nhân được đánh giá cao nhất ($M = 4,21$; $SD = 0,65$), phản ánh rằng công cụ AI phù hợp với thói quen sử dụng công nghệ của sinh viên hiện nay. Giao diện thân thiện ($M = 4,12$; $SD = 0,69$) và tốc độ phản hồi ($M = 4,03$; $SD = 0,72$) cũng được đánh giá tích cực.

Tuy nhiên, chỉ số không gặp khó khăn kỹ thuật ($M = 3,84$; $SD = 0,78$) cho thấy vẫn có một bộ phận sinh viên gặp phải một số trở ngại về mặt kỹ thuật khi sử dụng AI.

4.4. Mức độ tham gia học tập và việc tự đánh giá về tiến độ của bản thân

Bảng 4 trình bày kết quả đánh giá của sinh viên về mức độ tham gia học tập và việc tự đánh giá về tiến độ của bản thân về từ vựng tiếng Anh chuyên ngành sau khi học tập theo hướng dẫn tích hợp AI trong bài giảng của giảng viên.

Bảng 4. Mức độ tham gia học tập và sự tiến bộ về từ vựng của sinh viên

Nội dung	Giá trị trung bình (M)	Độ lệch chuẩn (SD)
Sử dụng AI thường xuyên để học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành	3,89	0,81
Chủ động hơn trong việc học từ vựng nhờ AI	3,95	0,75
Tự tin hơn khi sử dụng thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành	4,02	0,69
Vốn từ vựng tiếng Anh chuyên ngành đã tăng rõ rệt	4,08	0,67
Áp dụng được từ vựng tiếng Anh chuyên ngành đã học nhờ AI vào bài tập hiệu quả hơn	3,96	0,72
Trung bình	3,98	0,73

Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên nhận thấy có sự cải thiện về mức độ tham gia học tập và có tiến bộ về từ vựng tiếng Anh chuyên ngành sau khi học tập theo hướng dẫn tích hợp AI trong bài giảng của giảng viên ($M = 3,98$; $SD = 0,73$). Cảm nhận về sự tiến bộ từ vựng tiếng Anh chuyên ngành được đánh giá cao nhất ($M = 4,08$; $SD = 0,67$) cho thấy sinh viên tin rằng việc sử dụng AI theo hướng dẫn tích hợp đã giúp mở rộng vốn từ vựng chuyên ngành một cách hiệu quả. Kết quả cũng cho thấy sự tự tin của sinh viên khi sử dụng thuật ngữ cũng tăng lên ($M = 4,02$; $SD = 0,69$).

Mức độ chủ động trong học tập ($M = 3,95$; $SD = 0,75$) và khả năng áp dụng từ vựng vào bài tập của sinh viên ($M = 3,96$; $SD = 0,72$) cũng được đánh giá tích cực, cho thấy việc tích hợp AI trong giảng dạy không chỉ hỗ trợ sinh viên trong việc ghi nhớ từ vựng tiếng Anh chuyên ngành mà còn

giúp sinh viên phát triển khả năng vận dụng từ vựng tiếng Anh chuyên ngành trong các tình huống thực tế.

Tuy nhiên, tần suất ít sử dụng AI theo hướng dẫn tích hợp của giảng viên có điểm số thấp hơn ($M = 3,89$), cho thấy vẫn có một bộ phận sinh viên còn hạn chế trong việc áp dụng hướng dẫn tích hợp của giảng viên. Độ lệch chuẩn cao hơn ở mục này ($SD = 0,81$) phản ánh sự khác biệt về thói quen sử dụng giữa các sinh viên, có thể do điều kiện tiếp cận công nghệ, thói quen học tập hoặc mức độ tự tin sử dụng công nghệ khác nhau.

4.5. So sánh tiến bộ về từ vựng chuyên ngành Luật của sinh viên theo mức độ sử dụng AI

Để đánh giá mối quan hệ giữa mức độ sử dụng tích hợp AI theo hướng dẫn của giảng viên và sự tiến bộ trong từ vựng chuyên ngành, sinh viên được chia thành ba nhóm dựa trên tần suất sử dụng tích hợp AI: nhóm ít sử dụng ($n = 52$), nhóm thỉnh thoảng sử dụng ($n = 118$) và nhóm sử dụng thường xuyên ($n = 75$). Bảng 5 trình bày kết quả so sánh giữa ba nhóm về.

Bảng 5. Đánh giá về sự tiến bộ về từ vựng chuyên ngành theo mức độ sử dụng AI

Mức độ sử dụng AI	Số lượng (n)	Vốn từ vựng tiến bộ rõ rệt (M)	Tự tin sử dụng thuật ngữ (M)	Áp dụng từ vựng hiệu quả (M)
Ít khi	52	3,75	3,71	3,67
Thỉnh thoảng	118	4,08	4,02	3,95
Thường xuyên	75	4,31	4,28	4,21

(n = số lượng sinh viên trong mỗi nhóm)

Kết quả khảo sát cho thấy có sự khác biệt giữa các nhóm sinh viên theo mức độ sử dụng tích hợp AI theo hướng dẫn của giảng viên. Nhóm sinh viên sử dụng AI thường xuyên có mức cao nhất trong tự đánh giá về tiến bộ trong từ vựng ($M = 4,31$), sự tự tin sử dụng thuật ngữ ($M = 4,28$) và khả năng áp dụng từ vựng vào bài tập ($M = 4,21$). Ngược lại, nhóm sử dụng ít có mức đánh giá thấp nhất trong cả ba khía cạnh ($M = 3,75$; $3,71$; $3,67$ tương ứng).

Xu hướng tăng dần của các giá trị trung bình theo mức độ sử dụng tích hợp AI theo hướng dẫn của giảng viên qua bài giảng cho thấy có mối quan hệ tích cực giữa tần suất sử dụng công cụ AI và kết quả tự đánh giá về sự tiến bộ của sinh viên. Sinh viên sử dụng AI nhiều hơn có xu hướng cảm nhận tiến bộ rõ rệt hơn, tự tin hơn và áp dụng từ vựng hiệu quả hơn so với những sinh viên sử dụng ít.

4.6. Tổng hợp và thảo luận kết quả

Từ kết quả khảo sát và phân tích số liệu, có thể rút ra một số nhận định như sau:

Thứ nhất, sinh viên có đánh giá tích cực và có sự đồng thuận cao về vai trò của tích hợp AI trong bài giảng của học viên đối với việc hỗ trợ học từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Luật, đặc biệt là khả năng cung cấp ví dụ về ngữ cảnh sử dụng từ và giải thích thuật ngữ. Điều này phù hợp với nghiên cứu của Labadze và cộng sự (2023) về vai trò tích cực của chatbot AI trong giáo dục.

Thứ hai, các công cụ AI được giảng viên hướng dẫn tích hợp trong bài giảng được sinh viên đánh giá là dễ sử dụng và phù hợp với điều kiện học tập, đặc biệt về khả năng truy cập trên các thiết bị cá nhân. Tuy nhiên, vẫn cần có hỗ trợ kỹ thuật cho những sinh viên gặp khó khăn về công nghệ, điều này cũng được Sari & Han (2024) nhấn mạnh trong nghiên cứu của mình.

Thứ ba, có mối quan hệ tích cực giữa mức độ sử dụng tích hợp AI theo hướng dẫn của giảng viên và việc tự đánh giá của sinh viên về sự tiến bộ trong từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Luật của bản thân, cho thấy việc khuyến khích sinh viên sử dụng AI thường xuyên hơn có thể mang lại hiệu quả học tập tốt hơn. Điều này cho thấy việc tích hợp AI nên được thiết kế có hệ thống trong quy trình giảng dạy, mà không chỉ là công cụ hỗ trợ tùy chọn.

Thứ tư, kết quả nghiên cứu cho thấy AI đóng vai trò là công cụ hỗ trợ học tập độc lập (autonomous learning tool), giúp sinh viên chủ động hơn trong việc khám phá và học từ vựng ngoài

giờ lên lớp. Điều này phù hợp với xu hướng giáo dục hiện đại nhấn mạnh vai trò chủ thể của người học và khả năng tự học suốt đời.

5. Kết luận và khuyến nghị

Nghiên cứu cho thấy hiệu quả và mức độ chấp nhận của sinh viên đối với việc tích hợp trí tuệ nhân tạo trong giảng dạy từ vựng tiếng Anh chuyên ngành Luật tại Trường Đại học Mở Hà Nội. Kết quả cho thấy sinh viên đánh giá cao vai trò hỗ trợ của AI, nhận thấy tính dễ sử dụng và có cảm nhận tích cực về tiến bộ từ vựng của bản thân.

Từ kết quả nghiên cứu, có thể đưa ra một số khuyến nghị thực tiễn cho việc tích hợp AI trong giảng dạy tiếng Anh chuyên ngành tại các trường đại học Việt Nam:

Thứ nhất, giảng viên nên tích hợp các công cụ AI một cách có hệ thống và có định hướng sư phạm rõ ràng, không để sinh viên sử dụng tự phát mà cần hướng dẫn cách đặt câu hỏi hiệu quả, cách đánh giá tính chính xác của thông tin AI cung cấp và cách tích hợp AI vào quy trình học tập cá nhân.

Thứ hai, cần cung cấp hỗ trợ kỹ thuật đầy đủ cho sinh viên, đặc biệt là những sinh viên có ít kinh nghiệm với công nghệ hoặc điều kiện tiếp cận công nghệ còn hạn chế. Điều này bao gồm các buổi hướng dẫn sử dụng công cụ, tài liệu hướng dẫn chi tiết và kênh hỗ trợ kỹ thuật khi sinh viên gặp khó khăn.

Thứ ba, khuyến khích sinh viên sử dụng AI thường xuyên như một thói quen học tập hàng ngày. Giảng viên có thể thiết kế các nhiệm vụ học tập yêu cầu sinh viên sử dụng AI để khám phá từ vựng mới, so sánh thuật ngữ, hoặc tạo ví dụ câu, từ đó tạo động lực cho việc sử dụng công cụ này một cách chủ động.

Thứ tư, cần có sự kết hợp hài hòa giữa công cụ AI và vai trò của giảng viên. AI nên được xem là công cụ hỗ trợ bổ sung chứ không thay thế hoàn toàn các phương pháp giảng dạy truyền thống. Giảng viên vẫn đóng vai trò quan trọng trong việc thiết kế bài giảng, tổ chức hoạt động lớp học, cung cấp phản hồi có độ sâu và giám sát quá trình học tập của sinh viên.

Thứ năm, nhà trường cần đầu tư vào cơ sở hạ tầng công nghệ và đào tạo giảng viên về cách sử dụng và tích hợp AI vào giảng dạy một cách hiệu quả. Điều này bao gồm việc cung cấp mạng internet ổn định, hỗ trợ truy cập các công cụ AI chất lượng, và tổ chức các khóa tập huấn về ứng dụng AI trong giáo dục cho đội ngũ giảng viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bender, E. M., Gebru, T., McMillan-Major, A., & Shmitchell, S. (2021), On the dangers of stochastic parrots: Can language models be too big? Proceedings of the 2021 ACM Conference on Fairness, Accountability, and Transparency, 610-623. <https://doi.org/10.1145/3442188.3445922>.
2. Bin-Hady, W. R. A., Al-Kadi, A., Hazaea, A., & Ali, J. K. M. (2023), Exploring the dimensions of ChatGPT in English language learning: A global perspective. Library Hi Tech, 43 (4-5): 1315–1328. <https://doi.org/10.1108/LHT-05-2023-0200>.
3. Crompton, H., & Burke, D. (2023), Artificial intelligence in higher education: The state of the field. International Journal of Educational Technology in Higher Education, 20, Article 22, 1-22. <https://doi.org/10.1186/s41239-023-00392-8>.
4. Davis, F. D. (1989). Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology. MIS Quarterly, 13(3), 319-340. <https://doi.org/10.2307/249008>.
5. Holmes, W., Bialik, M., & Fadel, C. (2019), Artificial intelligence in education: Promises and implications for teaching and learning. Center for Curriculum Redesign.
6. Labadze, L., Grigolia, M., & Machaidze, L. (2023), Role of AI chatbots in education: Systematic literature review. International Journal of Educational Technology in Higher Education, 20, Article 56, 1-17. <https://doi.org/10.1186/s41239-023-00426-1>.

7. Popenici, S. A., & Kerr, S. (2017), Exploring the impact of artificial intelligence on teaching and learning in higher education. *Research and Practice in Technology Enhanced Learning*, 12(1), Article 22, 1-13. <https://doi.org/10.1186/s41039-017-0062-8>.
8. Sari, E., & Han, T. (2024), The impact of automated writing evaluation on EFL learners' writing self-efficacy, self-regulation, anxiety, and performance. *Journal of Computer Assisted Learning*, 40(5), 2065-2080. <https://doi.org/10.1111/jcal.13004>.
9. Thao, L. T. M., Long, D. T., & Nugraha, B. (2025), Digital transformation in English language teaching: An institutional case study of AI adoption. *ASEAN Journal of Open and Distance Learning*, 17(2), 16-33. <https://doi.org/10.64233/LXMF4848>.
10. Thao, L. T. M., Quyen, L. H., & Ngan, V. H. (2025), Digital transformation in Legal English education: Examining AI tool integration for presentation skills development among students of Faculty of Law at Hanoi Open University. *Proceedings of the International Conference on Artificial Intelligence in Open Education: Challenges and Opportunities* (pp. 229-243).
11. Weng, X., & Chiu, T. K. F. (2023), Instructional design and learning outcomes of intelligent computer assisted language learning: Systematic review in the field. *Computers and Education: Artificial Intelligence*, 4, Article 100117, 1-12. <https://doi.org/10.1016/j.caeai.2022.100117>.

**Effectiveness of artificial intelligence integration in legal English vocabulary instruction:
a case study at Hanoi Open University**

Abstract: This paper investigates the effectiveness of integrating artificial intelligence (AI) in teaching Legal English vocabulary at Hanoi Open University. The study analyzes feedback from 245 third-year students of the Faculty of Law at Hanoi Open University during the 2024-2025 academic year regarding the use of AI tools in Legal English vocabulary instruction. The integrated AI tools include ChatGPT and Microsoft Copilot, which were utilized to assist in explaining legal terminology, providing contextual examples, suggesting collocations, and comparing semantic differences between terms. The findings indicate that students highly valued the role of AI in supporting vocabulary learning and demonstrated active learning engagement. Comparative analysis revealed that students who frequently used AI tools reported higher self-perceived progress in acquiring specialized vocabulary ($M = 4.23$) compared to infrequent users ($M = 3.75$). The study demonstrates the effectiveness of AI integration in Legal English instruction and provides recommendations for implementing AI technology at the Faculty of Law, Hanoi Open University.

Key words: Legal English; vocabulary; terminology; artificial intelligence; task-based learning.